

Số : 255/QĐ - ĐHTV

Vĩnh Phúc, ngày6..... tháng ...9.....năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo Đại học Chuyên ngành Quản trị Doanh nghiệp và Công nghệ

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRUNG ƯƠNG

- Căn cứ Quyết định số 700/QĐ - TTg ngày 18/05/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Trung Ương;
- Căn cứ vào Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Trung Ương số 124A /ĐHTV ngày 03/6/2021 của Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Trung Ương;
- Căn cứ Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành theo Quyết định số 292/QĐ-ĐHTV ngày 26/07/2018 của Trường Đại học Trung Ương;
- Căn cứ vào Quyết định số 4046/QĐ-BGDĐT ngày 16/9/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao Trường Đại học Trung Ương đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành Quản trị Kinh doanh;
- Căn cứ Quyết định số 279/QĐ-ĐHTV ngày 23/7/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Trung Ương về việc ban hành chương trình đào tạo ngành Quản trị Kinh doanh.
- Căn cứ thông tư số 17/2021/TT-BGD&ĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định chuẩn chương trình Đào tạo, xây dựng thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của Giáo dục Đại học;
- Căn cứ vào Biên bản cuộc họp Hội đồng chỉnh sửa chương trình Đào tạo ngành Quản trị Kinh doanh ngày 06 tháng 09 năm 2021;
- Theo đề nghị của Trường Khoa Kinh tế.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo Đại học chính Quy ngành Quản trị Kinh doanh trên cơ sở chỉnh sửa chương trình Đào tạo ban hành theo Quyết định số 279/QĐ-ĐHTV ngày 23/07/2018.

Chương trình đào tạo chính quy ngành Quản trị Kinh doanh được sử dụng để đào tạo hệ vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, đào tạo liên thông ngành Quản trị Kinh doanh của Trường Đại học Trung Ương.



ngành Quản trị Doanh nghiệp và công nghệ của Trường Đại học Trung Vương.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với quyết định này được bãi bỏ.

Điều 3: Trưởng Khoa Kinh tế, Trưởng Phòng Đào tạo, các Ông (Bà) trưởng các phòng, ban chức năng Trường Đại học Trung Vương chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3
- Lưu Văn thư, HCTC


HIỆU TRƯỞNG
TS. Nguyễn Huy Oanh

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP VÀ CÔNG NGHỆ**
(Ban hành theo quyết định số 285 /QĐ-ĐHTV ngày 6 / 9 /2021 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Trung Ương)

Tên chương trình: Kinh tế

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Quản trị Kinh doanh

Chuyên ngành: Quản trị doanh nghiệp và công nghệ

Mã ngành: 7340101

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Quản trị kinh doanh (QTKD) chuyên ngành Quản trị Doanh nghiệp và công nghệ có kiến thức có phẩm chất đạo đức tốt, nắm vững những kiến thức kinh tế và chuyên sâu về kinh tế, về hệ thống doanh nghiệp và công nghệ, về hệ thống thông tin, về quản trị công nghệ, về các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh, có năng lực để nghiên cứu và xử lý những vấn đề phát sinh trong hoạt động quản lý Nhà nước về kinh tế; có khả năng làm việc độc lập sáng tạo, thích ứng cao với môi trường kinh tế - xã hội, có phẩm chất chính trị tốt, lập trường tư tưởng vững vàng. Nhiệt tình với công việc, gắn bó với nghề nghiệp, trung thực trong công việc được giao nhằm phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

1.2 Mục tiêu cụ thể

- Về kiến thức:

Vận dụng được các kiến thức đại cương, cơ sở ngành để giải quyết độc lập, sáng tạo các vấn đề pháp lý trong hoạt động kinh doanh.

- Về kỹ năng:

+ Phân tích, đánh giá được các tình huống trong quản trị doanh nghiệp và công nghệ và lựa chọn áp dụng những quy định những phương án xử lý thích hợp.

+ Có kỹ năng, nghiệp vụ trong kinh doanh Doanh nghiệp và công nghệ, quản trị doanh nghiệp công nghệ trong sản xuất, kinh doanh.

- + Đề xuất được giải pháp để giải quyết các vấn đề pháp lý trong hoạt động kinh doanh.
- + Thành thạo trong việc soạn thảo các hợp đồng, tài liệu và văn bản trong doanh nghiệp, điều phối được các quan hệ dân sự, thương mại và hành chính trong quản trị, sản xuất, kinh doanh.
- + Có phương pháp trình bày khoa học, thực hiện tư vấn quản trị kinh doanh đạt hiệu quả cho các đối tượng.
- + Có khả năng đàm phán trong công việc và giao tiếp đạt hiệu quả.
- + Có khả năng thích ứng với các thay đổi nhanh của xã hội, khả năng tự học trong môi trường làm việc và học tập suốt đời.
- + Khai thác và sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên ngành để phục vụ cho công việc chuyên môn có hiệu quả.
- + Sử dụng được tiếng Anh để nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn.
- + Có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả.
- Về thái độ:
- + Có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu của công việc.
- + Có tinh thần trách nhiệm, luôn chủ động, sáng tạo trong công việc được giao.
- + Có ý thức chấp hành kỷ luật và đạo đức nghề nghiệp.
- + Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp.
- Khả năng nghề nghiệp: Sau khi tốt nghiệp có khả năng:
- + Làm việc tại các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, doanh nghiệp nước ngoài, cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế;
- + Làm việc tại các doanh nghiệp về thương mại điện tử, doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh công nghệ.
- + Làm việc tại bộ phận nhân sự, bộ phận kinh doanh, bộ phận marketing truyền thông, quản đốc phân xưởng sản xuất, sàn thương mại điện tử....
- + Làm việc trong các cơ quan nhà nước: Sở Công Thương, Cục thuế, Hải quan,...
- + Làm công tác nghiên cứu trong các Viện nghiên cứu về Quản trị kinh doanh.
- + Làm chủ doanh nghiệp khi đủ các điều kiện đầu tư và có định hướng kinh doanh.
- + Giảng viên Quản trị kinh doanh ở các trường Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp.

2. Thời gian đào tạo: 04 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ không tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục an ninh quốc phòng.

4. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

5. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo: Theo hệ thống tín chỉ.

Thực hiện qui chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp:

- Sinh viên được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng chứng chỉ khi hội đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 27&28 Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy ban hành kèm theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Sinh viên phải tích lũy đủ 130 TC (không kể các môn GDTC và GDQP) theo khung chương trình đào tạo.

6. Thang điểm:

Thang điểm 10, sau đó qui đổi ra thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quyết định 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Nội dung chương trình:

Chương trình được bố trí theo tín chỉ, mỗi tín chỉ được bố trí 15 tiết, 1 tiết lý thuyết bằng 50 phút, bằng 2 tiết thực hành.

STT	KHỐI KIẾN THỨC	SỐ TÍN CHỈ
7.1	Kiến thức giáo dục đại cương	37
7.1.1	Lý luận chính trị	11
7.1.2	Ngoại ngữ	6
7.1.3	Khối kiến thức khoa học cơ bản theo ngành và lĩnh vực	20
7.2	Khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành	73
7.2.1	Kiến thức cơ sở ngành	49
7.2.2	Kiến thức chuyên ngành	24
7.3	Thực tập và thi tốt nghiệp	14
7.3.1	Thực tập	5
7.3.2	Khóa luận tốt nghiệp	9
7.4	Kiến thức bổ trợ và tự chọn	6
Tổng cộng		130

Các học phần cụ thể

I. KHỐI KIẾN THỨC CHUNG

TT No.	MÃ HP Course ID	TÊN HỌC PHẦN Subjects (Điều chỉnh)	SỐ TC Credits (mới)	KỶ HỌC THEO KẾ HOẠCH CHUẨN Typical Schedule							
				1	2	3	4	5	6	7	8
GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG <i>General Education</i>			37	0	0	0	0	0	0	0	0
Lý luận chính trị <i>General Education</i>			11								
1	MCCB1004	Kinh tế chính trị <i>Political Economy</i>	2(2-1-0-4)		2						
2	MCCB1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>HoChiMinh Theory</i>	2(2-1-0-4)			2					
3	MCCB1002	Triết học Mác Lênin <i>Philosophy Marxism- Leninism</i>	3(2-2-0-6)	3							
4	MCCB1005	Chủ nghĩa Xã hội khoa học <i>Science socialism</i>	2(2-1-0-4)		2						
5	MCCB1001	Lịch sử Đảng <i>History of the Communist Party of Vietnam</i>	2(2-1-0-4)				2				
Giáo dục thể chất/Physical Education			5								
Giáo dục Quốc phòng - An ninh (Chứng chỉ) <i>Military Education (Certificate)</i>											
Ngoại ngữ/English			6								
6	MCCB1011	Tiếng Anh I/ <i>English I</i>	3(0-6-0-6)		3						
7	MCCB1012	Tiếng Anh II/ <i>English II</i>	3(0-6-0-6)			3					
Khối kiến thức Toán và Khoa học cơ bản theo ngành và lĩnh vực <i>Mathematics and Sciences</i>			20								
8	CSBA0059	Toán cao cấp <i>Advanced math</i>	2(2-1-0-4)	2							
9	CSBA0054	Nguyên lý thống kê <i>Statistical principles</i>	2(2-1-0-4)	2							
10	MCCB1014	Tin học đại cương <i>Introduction to Information Technology</i>	2(1-0-2-4)	2							
11	CSBA0055	Kinh tế học vi mô <i>Principles of Microeconomics</i>	3(3-1-0-6)	3							
12	CSBA0056	Kinh tế học vĩ mô <i>Principles of Microeconomics</i>	3(3-1-0-6)		3						
13	CSBA0057	Mô hình toán Kinh tế <i>Mathematical Models of Economics</i>	2(2-1-0-4)				2				
14	CSBA0060	Tin học kinh tế (Tin học ứng dụng) <i>Introduction to Applied Computing for Economics and Business</i>	2(1-0-2-4)			2					
15	CSBA0053	Xác suất thống kê	2(1-0-2-4)		2						

TT No.	Mã HP Course ID	TÊN HỌC PHẦN <i>Subjects</i> (Điều chỉnh)	Số TC Credits (mới)	KỶ HỌC THEO KẾ HOẠCH CHUẨN <i>Typical Schedule</i>								
				1	2	3	4	5	6	7	8	
		<i>Probabilities and Statistics</i>										
16	CSBA0058	Toán Kinh tế <i>Economical maths</i>	2(1-0-2-4)			2						

II. KHỐI KIẾN THỨC NGÀNH

TT No.	Mã HP Course ID	TÊN HỌC PHẦN <i>Subjects</i>	Số TC Credits	KỶ HỌC THEO KẾ HOẠCH CHUẨN <i>Typical Schedule</i>								
				1	2	3	4	5	6	7	8	
CƠ SỞ VÀ CỐT LÕI NGÀNH <i>Major Requirements</i>			49	0	0	0	0	0	0	0	0	0
17	CSBA0001	Quản trị học <i>School of Management</i>	2(1-2-0-4)				2					
18	CSBA0002	Kinh tế quốc tế <i>International Economics</i>	2(2-1-0-4)			2						
19	CSBA0003	Khoa học Quản lý <i>Management Science</i>	2(2-1-0-4)			2						
20	CSBA3001	Marketing và nghiên cứu thị trường <i>Marketing and market research</i>	2(2-1-0-4)			2						
21	CSEL0053	Pháp luật Kinh tế <i>Business Legal Environment</i>	2(2-1-0-4)	2								
22	CSBA0005	Kinh tế lượng <i>Econometric</i>	2(2-1-0-4)				2					
23	CSBA3002	Quản trị dây chuyền sản xuất <i>Production line management</i>	2(2-1-0-4)					2				
24	CSBA0007	Quản trị nhân lực <i>Human Resource Management</i>	3(3-1-0-6)					3				
25	CSBA3003	Quản trị thương hiệu và tài sản trí tuệ <i>Brand and intellectual property management</i>	2(2-1-0-4)					2				
26	CSBA3004	Đàm phán và quản trị hợp đồng chuyển giao công nghệ <i>Negotiating and managing technology transfer contracts</i>	2(2-1-0-4)					2				
27	CSBA3005	Quản trị công nghệ môi trường <i>Environmental technology management</i>	2(2-1-0-4)						2			
28	CSBA0011	Nguyên lý kế toán <i>Principles of Accounting</i>	3(3-1-0-6)		3							
29	CSBA0012	Tài chính doanh nghiệp <i>Fundamentals of Financial Management</i>	3(3-1-0-6)				3					
30	CSBA3006	Quản trị công nghệ sản xuất và chuỗi cung ứng <i>Management of production technology and supply chain</i>	2(2-1-0-4)						2			

		<i>Web application development</i>											
9	CNBA3015	An toàn và an ninh mạng <i>Network safety and security</i>	2(2-1-0-4)									2	
10	CNBA3016	Lập trình ứng dụng Công nghệ thông tin trong kinh doanh <i>Programming information technology applications in business</i>	2(2-1-0-4)									2	
11	CNBA0044	Dự án thiết kế sản phẩm, dịch vụ <i>Product and service design project</i>	2(2-1-0-4)									2	
12	CNBA3017	Khởi nghiệp và phát triển năng lực công nghệ <i>Start-up and develop technology capabilities</i>	2(2-1-0-4)									2	

IV. THỰC TẬP VÀ KHÓA LUẬN

TT No.	MÃ HP Course ID	TÊN HỌC PHẦN Subjects	SỐ TC Credits	KỲ HỌC THEO KẾ HOẠCH CHUẨN Typical Schedule									
THỰC TẬP VÀ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP <i>Graduation Internship and Thesis</i>			14	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	BCBA0045	Thực tập tốt nghiệp <i>Graduation Internship</i>	5										5
2	BCBA046	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation Thesis</i>	9										9

V. KIẾN THỨC BỔ TRỢ TỰ CHỌN

TT No.	MÃ HP Course ID	TÊN HỌC PHẦN Subjects	SỐ TC Credits	KỲ HỌC THEO KẾ HOẠCH CHUẨN Typical Schedule									
KIẾN THỨC BỔ TRỢ (Chọn 6/15) <i>Competency Electives</i>			6	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	CSBA0047	Kỹ năng mềm <i>Soft Skill</i>	2(1-2-0-2)										
2	CSBA0048	Tâm lý học ứng dụng <i>Applied Psychology</i>	2(1-2-0-2)										
3	CSBA0001	Quản trị học đại cương <i>Introduction to Management</i>	2(2-1-0-4)										
4	CSBA0049	Văn hóa kinh doanh và tinh thần khởi nghiệp/ <i>Business Culture and Entrepreneurship</i>	2(2-1-0-4)										
5	CSBA0050	Technical Writing and Presentation	3(2-2-0-6)										
6	CSBA0051	Tư duy công nghệ và thiết kế kỹ thuật/ <i>Technology and Technical Design Thinking</i>	2(1-2-0-4)										

8. Kế hoạch giảng dạy (Dự kiến, nếu có sự thay đổi, Nhà trường sẽ thông báo cụ thể sau)

7	CSBA0052	Thiết kế mỹ thuật công nghiệp <i>Industrial Design</i>	2(1-2-0-4)								
8	CSBA2013	Sản xuất và chỉnh sửa Video <i>Video Production and Editing</i>	2(1-2-0-4)								
9	CSBA2014	Viết và biên tập cho Truyền thông <i>Writing and Editing for Media</i>	2(1-2-0-4)								
10	CSBA2015	Chụp ảnh và photoshop <i>Photography and Photoshop</i>	2(1-2-0-4)								
11	CSBA2016	Hội họa và thiết kế tư liệu Marketing & Branding <i>Painting and designing Marketing & Branding materials</i>	2(1-2-0-4)								
12	CSBA2017	Quản trị kiến trúc và công nghệ cơ khí xây dựng <i>Architectural management and construction mechanical technology</i>	2(1-2-0-4)								
13	CSBA2018	Thực hành hệ điều hành mạng <i>Network operating system practice</i>	2(1-2-0-4)								
14	CSBA2019	Đồ họa thương mại điện tử <i>E-commerce graphics</i>	2(1-2-0-4)								
15	CNBA0044	Dự án thiết kế sản phẩm dịch vụ <i>Product and service design project</i>	2(1-2-0-4)								
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			130	16	17	17	17	16	17	16	14

HỌC KỲ I

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	GHI CHÚ
1	MCCB1002	Triết học Mác - Lênin	3	
2	CNEL0053	Pháp luật kinh tế	2	
3	CSBA0059	Toán cao cấp	2	
4	CSBA0054	Nguyên lý thống kê	2	
5	MCCB1014	Tin học đại cương	2	
6	CSBA0055	Kinh tế học vi mô	3	
7		Tự chọn:	2	
TỔNG			16	

HỌC KỲ II

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	GHI CHÚ
1	MCCB1004	Kinh tế chính trị	2	
2	MCCB1005	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
3	MCCB1011	Tiếng anh 1	3	

4	CSBA0011	Nguyên lý kế toán	3	
5	CSBA0056	Kinh tế học vĩ mô	3	
6	CSBA0053	Xác suất thống kê	2	
7		Tự chọn:	2	
TỔNG			17	
HỌC KỲ III				
STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	
1	MCCB1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
2	CSBA0058	Toán kinh tế	2	
3	CSBA0002	Kinh tế quốc tế	2	
4	CSBA0003	Khoa học quản lý	2	
5	CSBA3001	Marketing và nghiên cứu thị trường	2	
6	MCCB1012	Tiếng anh 2	3	
7	CSBA0060	Tin học kinh tế (tin học ứng dụng)	2	
8		Tự chọn:	2	
TỔNG			17	
HỌC KỲ IV				
STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	
1	MCCB1001	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	
2	CSBA0057	Mô hình toán kinh tế	2	
3	CSBA0005	Kinh tế lượng	2	
4	CSBA0019	Tiếng anh chuyên ngành 1	3	
5	CSBA0016	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	
6	CSBA0012	Tài chính doanh nghiệp	3	
7	CSBA0001	Quản trị học	2	
TỔNG			17	
HỌC KỲ V				
STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	
1	CSBA0020	Tiếng anh chuyên ngành 2	3	
2	CSBA3003	Quản trị thương hiệu và tài sản trí tuệ	2	
3	CSBA0009	Quản trị tri thức công nghệ và sáng tạo	2	
4	CSBA3007	Quản trị dự án và rủi ro	2	
5	CSBA3002	Quản trị dây truyền sản xuất	2	
6	CSBA3004	Đàm phán và quản trị hợp đồng chuyên giao công nghệ	2	
7	CSBA0007	Quản trị nhân lực	3	
TỔNG			16	
HỌC KỲ VI				
STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	
1	CSBA3005	Quản trị công nghệ môi trường	2	
2	CSBA3006	Quản trị công nghệ sản xuất và chuỗi cung ứng	2	

3	CSBA0014	Hệ thống thông tin quản lý (quản trị công nghệ)	2	
4	CSBA0015	Quản trị chiến lược	3	
5	CNBA2005	Kỹ năng marketing hàng tiêu dùng, CN, dịch vụ	2	
6	CNBA3009	Tổng quan về hệ thống công nghệ và thiết kế hệ thống	2	
7	CNBA0026	Thương mại điện tử	2	
8	CNBA3010	Tổng quan về công nghệ thông tin	2	
TỔNG			17	
HỌC KỶ VII				
STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	
1	CNBA3011	Lập trình hướng đối tượng	2	
2	CNBA3012	Cơ sở dữ liệu	2	
3	CNBA3013	Mạng máy tính	2	
4	CNBA3014	Phát triển ứng dụng web	2	
5	CNBA3015	An toàn và an ninh mạng	2	
6	CNBA3016	Lập trình ứng dụng CNTT trong kinh doanh	2	
7	CNBA0044	Dự án thiết kế sản phẩm dịch vụ	2	
8	CNBA3017	Khởi nghiệp và phát triển năng lực công nghệ	2	
TỔNG			16	
HỌC KỶ VIII				
STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	
1	BCBA0045	Thực tập tốt nghiệp	5	
2	BCBA0046	Khóa luận tốt nghiệp	9	
TỔNG			14	
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			130	

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

9.1. Đối với các đơn vị đào tạo

- Phải nghiên cứu chương trình khung để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình.
- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp đề cương chi tiết học phần cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.
- Yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học phần tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần tự chọn.
- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.

9.2. Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện học phù hợp.
- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.
- Tổ chức cho sinh viên các buổi Seminar, chú trọng đến việc tổ chức học Irloin và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận môn học, giảng viên lựa chọn các Phương pháp giảng dạy phù hợp với tính chất và yêu cầu của môn học; hướng dẫn CLICO luận, giải quyết các bài tập tình huống tại lớp và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

9.3. Đối với sinh viên

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ.
- Phải nghiên cứu chương trình, giáo trình, bài giảng trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng.
- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp theo quy định hiện hành.
- Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi seminar.
- Tích cực khai thác các tài liệu trên mạng và trong thư viện của Trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm báo cáo tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp.
- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá học phần theo quy định của nhà trường.

9.4. Kiểm tra, đánh giá

Điểm đánh giá đối với học phần lý thuyết bao gồm: Điểm kiểm tra thường xuyên (hoặc tiểu luận), điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm đánh giá bài tập lớn, điểm chuyên cần, điểm thi giữa kỳ và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và phải có trọng số 70%, điểm chuyên cần 10%, điểm kiểm tra giữa học phần là 20%.



TS. Nguyễn Huy Oanh